

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS - ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2018
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng
mua bán vật liệu xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên toà: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về “***Tranh chấp Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST - DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên NH

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân N – Giám đốc

Địa chỉ: 39 đường TĐT, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đình Quang H và bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: 09 đường LTV, tổ 08, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, bản tự khai ngày 12/10/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên NH ông Trần Xuân N trình bày:

Từ ngày 25/3/2011 vợ chồng ông Đình Quang H và bà Nguyễn Thị T có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên NH (Sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV NH) để

mua vật liệu xây dựng, trang trí nội thất mục đích để xây dựng nhà ở. Trong quá trình giao dịch mua hàng do trực tiếp ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T đi mua hàng và ký xác nhận vào sổ theo dõi mua bán của Công ty TNHH MTV NH. Đến ngày 30/01/2016 là ngày cuối cùng bà T thanh toán và chốt lại số nợ là 8.534.000 (Tám triệu năm trăm ba mươi tư nghìn) đồng. Sau đó mặc dù Công ty TNHH MTV NH đã đến gặp ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T nhiều lần để yêu cầu thanh toán số nợ 8.534.000 đồng nhưng ông H và bà T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay Công ty TNHH MTV NH khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số nợ 8.534.000 (Tám triệu năm trăm ba mươi tư nghìn) đồng. Tại phiên tòa Công ty TNHH MTV NH thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T thanh toán số nợ 7.254.000 (Bảy triệu hai trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

Đối với bị đơn ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T

Ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ông H và bà T trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV NH nhưng ông H và bà T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Công ty TNHH MTV NH cho rằng ngày 30/01/2016 ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T đã chốt số nợ đối với Công ty là 8.534.000 đồng nhưng sau đó mặc dù đã nhiều lần Công ty yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông H và bà T không thực hiện nghĩa vụ nên buộc Công ty khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất giữa doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và cá nhân; tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Xuân N trình bày: Vào thời điểm giao kết hợp đồng thì ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T mua vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất của Công ty để xây nhà còn mục đích thật sự họ sử dụng làm gì thì Công ty không nắm được do đó Hội đồng xét xử vẫn xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng*”; các bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông H, bà T vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T.

Theo đơn khởi kiện đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Xuân N yêu cầu ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T thanh toán số tiền nợ 8.534.000 đồng, tại phiên tòa ông Trần Xuân N thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu ông Đinh Quang H và bà

Nguyễn Thị T thanh toán cho Công ty TNHH MTV NH số tiền 7.254.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp thuận.

Theo chứng cứ do Công ty TNHH MTV NH cung cấp thể hiện: Công ty TNHH MTV NH liệt kê các loại mặt hàng đã bán cho khách, số tiền đã trả, mặt hàng khách trả lại trong các trang thuộc sổ mua bán của Công ty và khách hàng sẽ ký xác nhận bên dưới khi mua hàng hoặc khi trả tiền. Điều này phù hợp với lời khai của đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Xuân N Công ty TNHH MTV NH mua bán vật liệu xây dựng dưới hình thức: ông Đinh Quang H, bà Nguyễn Thị T mua vật liệu ký vào sổ mua bán của Công ty TNHH MTV NH để xác nhận tại các trang được đánh số 73, 74, 72; ông H và bà T trả một phần số tiền mua vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất lần trước và mua tiếp số lượng vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất lần sau; số nợ còn lại được chốt và ghi lại ở trang được đánh số 04.

Tại trang được đánh số 73 thể hiện ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T vào các ngày 25/3/2011, ngày 31/3/2011, 14/4/2011, 18/4/2011, 29/3/2011 mua các loại vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất và ngày 25/3/2011 trả 5.000.000 đồng, 16/4/2011 trả 10.000.000 đồng, bên dưới có chữ ký và ghi tên Đinh Quang H. Số nợ còn lại là 36.542.000 đồng. Tại trang được đánh số 74 thể hiện: ngày 05/6/2011 mua hàng và ngày 13/7/2011 trả tiền 10.000.000 đồng bên dưới có chữ ký và ghi tên Đinh Quang H, số nợ còn lại là 35.042.000 đồng; ngày 14/7/2011 mua hàng có giá trị 3.232.000 đồng bên dưới có chữ ký và ghi tên H, số nợ là 38.274.000 đồng; ngày 21/7/2011 mua hàng nhưng bên dưới không có chữ ký và ghi tên xác nhận.

Như vậy tuy ngày 21/7/2011 trong sổ mua bán của Công ty TNHH MTV NH có thể hiện đã giao cát xây $1m^3$ và xe vận chuyển với tổng giá trị là 230.000 đồng nhưng ông Đinh Quang H hoặc bà Nguyễn Thị T không ký xác nhận hàng nên không có căn cứ buộc ông H và bà T phải chịu khoản tiền hàng và phí vận chuyển nói trên. Ngày 21/01/2012 bà Nguyễn Thị T có ký và ghi tên Nguyễn Thị T tuy nhiên lại ghi nội dung “21/1/2012 trả 10 tr” (Do ông N thừa nhận nội dung này do bà T tự ghi) thể hiện nội dung trả tiền chứ không có căn cứ bà T xác nhận số hàng nhận ngày 21/7/2011. Do đó số nợ còn lại của ông H và bà T được tính đến ngày 14/7/2011 có chữ ký xác nhận của ông Đinh Quang H là 38.274.000 đồng.

Từ ngày 14/7/2011 đến thời điểm khởi kiện 05/10/2017 Công ty TNHH MTV NH thừa nhận ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T trả 02 loại mặt hàng có giá trị là 4.020.000 đồng, trả tiền hàng là 27.000.000 đồng. Như vậy ông H và bà T đã trả cho Công ty TNHH MTV NH số tiền 31.020.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà T không xuất trình thêm chứng cứ hoặc văn bản thể hiện số tiền đã trả cho Công ty TNHH MTV NH nào khác ngoài các khoản Công ty đã thừa nhận. Tại trang số 4 do Công ty TNHH MTV NH cung cấp có nội dung “ngày 20/1 trả tiền” có chữ ký không ghi tên nhưng không thể hiện rõ số tiền trả (Chữ viết và chữ ký này do ông N khai nhận là chữ viết và chữ ký của bà T) do đó chỉ có căn cứ nhận định là ông H và bà T cam kết trả số nợ còn lại vào ngày

20/1 chứ không có căn cứ khấu trừ thêm số tiền nào khác vào số tiền mà ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV NH.

Công ty TNHH MTV NH không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định, ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T nợ Công ty TNHH MTV NH 7.254.000 đồng, ông H và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc ông H, bà T trả cho Công ty TNHH MTV NH 7.254.000 (Bảy triệu hai trăm năm mươi tư) đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH MTV NH được chấp nhận nên ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí

$7.254.000 \text{ đồng} \times 5\% = 326.700$ (Ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 428, 429, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 186, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV NH về việc yêu cầu ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T thanh toán tiền nợ 7.254.000 đồng.

Buộc ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T trả cho Công ty TNHH MTV NH 7.254.000 (Bảy triệu hai trăm năm mươi tư) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T phải chịu 326.700 (Ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV NH do ông Trần Xuân N là đại diện theo pháp luật được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003629 ngày 05/10/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty TNHH MTV NH có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đinh Quang H và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA